

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU G6**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU G6

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: G6 IMPORT EXPORT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109572284

**3. Ngày thành lập:** 29/03/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 6 tòa nhà Zen Tower, số 12 Khuất Duy Tiến, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984955678

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                              | 4690(Chính) |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa.                                                 | 4610        |
| 3.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                           | 1010        |
| 4.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                   | 1020        |
| 5.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                              | 1030        |
| 6.  | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                     | 1075        |
| 7.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                            | 1079        |
| 8.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                            | 4631        |
| 9.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                        | 4632        |
| 10. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                          | 4633        |
| 11. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo<br>chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                   | 4711        |
| 12. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) | 4719        |
| 13. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                         | 4721        |
| 14. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                          | 4722        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4723 |
| 16. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4781 |
| 17. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4791 |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933 |
| 19. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5012 |
| 20. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5022 |
| 21. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5210 |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách hoặc hàng hóa bằng đường bộ;<br>- Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa;                                                                                                                                                       | 5225 |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng;<br>- Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển;<br>- Logistics | 5229 |
| 24. | Chuyển phát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5320 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>- Ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                                        | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 21.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 2.100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                      | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN THỊ DOAN | Số 42 Tập thể Xí Nghiệp Thông Tin, ngõ 1194/61/1 đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 300.000    | 3.000.000.000         | 14,285    | 0341860000<br>27                                                                            |         |
|     |               |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                                           | Tổng số                   | 300.000    | 3.000.000.000         | 14,285    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                                           |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ QUỐC TIẾN  | Tiểu khu 10, Tổ 17, Phường Tân Thịnh, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam                                         | Cổ phần phổ thông         | 300.000    | 3.000.000.000         | 14,285    | 113588677                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                                           | Tổng số                   | 300.000    | 3.000.000.000         | 14,285    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                                           |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                                                                   |                           |         |               |        |              |
|---|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | TRỊNH THANH LONG  | Đội 3, Xã Trung Chính, Huyện Nông Công, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                                  | Cổ phần phổ thông         | 300.000 | 3.000.000.000 | 14,285 | 172610224    |
|   |                   |                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                   | Tổng số                   | 300.000 | 3.000.000.000 | 14,285 |              |
| 4 | NGUYỄN TRỌNG BÌNH | Phòng 17, Nhà A7, Tập thể Văn Chương, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 300.000 | 3.000.000.000 | 14,285 | 001069007091 |
|   |                   |                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                   | Tổng số                   | 300.000 | 3.000.000.000 | 14,285 |              |
| 5 | TRIỆU TIẾN DUẤN   | Tổ dân phố La Dương, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông         | 300.000 | 3.000.000.000 | 14,285 | 111462044    |
|   |                   |                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                   | Tổng số                   | 300.000 | 3.000.000.000 | 14,285 |              |

|   |               |                                                                        |                           |         |               |        |              |
|---|---------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 6 | ÔNG NGỌC ĐOÀI | Xóm Xuân Thắng, Xã Giao Xuân, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 300.000 | 3.000.000.000 | 14,285 | 036083002515 |
|   |               |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                        | Tổng số                   | 300.000 | 3.000.000.000 | 14,285 |              |
|   |               |                                                                        |                           |         |               |        |              |
| 7 | LÊ DUY MẠNH   | Thôn Bằng Sở, Xã Ninh Sở, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 300.000 | 3.000.000.000 | 14,285 | 001088009849 |
|   |               |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                        | Tổng số                   | 300.000 | 3.000.000.000 | 14,285 |              |
|   |               |                                                                        |                           |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ DOAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 23/12/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 034186000027

Ngày cấp: 16/03/2020

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 42 Tập thể Xí Nghiệp Thông Tin, ngõ 1194/61/1 đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 42 Tập thể Xí Nghiệp Thông Tin, ngõ 1194/61/1 đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội